

**TÀI LIỆU HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TOÀN QUỐC
NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 10 NĂM 2021-2030 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 5 NĂM 2021-2025

- ❖ Xây dựng, hoàn thiện nhiều lần đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết
- ❖ Nghiên cứu, tổng hợp kết quả **42 nhóm chuyên đề** trên các lĩnh vực
- ❖ Tổ chức **07 hội nghị với 63 tỉnh, thành phố** trực thuộc TW theo vùng để đánh giá, tổng kết thực tiễn
- ❖ Tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến nhiều tổ chức quốc tế, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước; khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm tại một số quốc gia
- ❖ Tổ chức Hội nghị xin ý kiến các đồng chí nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- ❖ Xây dựng, hoàn thiện các dự thảo báo cáo, văn kiện, trình và tiếp thu các ý kiến tại các Phiên họp Bộ Chính trị, các Hội nghị lần thứ 10, 11, 13, 14 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, của các đồng chí nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và ý kiến của Đại hội đảng các cấp, các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cán bộ, nhân dân cả nước
- ❖ Hoàn thiện các báo cáo, văn kiện trình Đại hội Đảng XIII, bảo đảm chất lượng và thời gian quy định

PHƯƠNG CHÂM XÂY DỰNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 10 NĂM 2021-2030 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 5 NĂM 2021-2025

- ❖ Bám sát Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (*bổ sung, phát triển năm 2011*); chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương
- ❖ Báo cáo Chính trị là văn kiện trung tâm; Báo cáo kinh tế - xã hội cụ thể hóa các nội dung về KTXH và những lĩnh vực liên quan, bảo đảm nhất quán về những tư tưởng, quan điểm lớn trong Báo cáo chính trị
- ❖ Đánh giá tình hình phải khách quan, đúng, sát thực tiễn, chỉ rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm
- ❖ Dự báo, nhận diện rõ những cơ hội, thách thức trong 5 năm, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045
- ❖ Việc xây dựng các quan điểm, định hướng, đột phá chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phải dựa trên cơ sở lý luận vững chắc và sát hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước
 - ✓ Vừa có tính kế thừa, phát huy những thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, vừa phải bổ sung, phát triển phù hợp
 - ✓ Mục tiêu, định hướng 5 năm, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045 phải có tính phấn đấu cao, đột phá, nhưng khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, thế giới
 - ✓ Những giải pháp trọng tâm phải bảo đảm phù hợp với thực tiễn, thiết thực, khả thi, dễ nhớ, dễ thực hiện

NỘI DUNG CHÍNH

- ❖ ***Phần thứ nhất:*** Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển KTXH 5 năm 2016-2020
- ❖ ***Phần thứ hai:*** Những nội dung trọng tâm của Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển KTXH 5 năm 2021-2025
- ❖ ***Phần thứ ba:*** Tổ chức thực hiện

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 10 NĂM 2011-2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTXH
5 NĂM 2016-2020**

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 10 NĂM 2011-2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 5 NĂM 2016-2020

- ❖ Bối cảnh tình hình quốc tế, trong nước
- ❖ Kết quả đạt được trên các lĩnh vực chủ yếu
- ❖ Về hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm
- ❖ Định hình nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực, thế giới

Tình hình quốc tế

❖ *Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp hơn dự báo*

- Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn
- Vấn đề tăng cường bảo hộ, cạnh tranh và xung đột thương mại gia tăng
- Rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế

❖ *Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và CMCN lần thứ tư*

- Tầm quan trọng và xu hướng phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, kinh tế số

❖ *Đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu từ đầu năm 2020*

- Ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng trên nhiều phương diện đến kinh tế toàn cầu và hầu hết các quốc gia
- Gây ra những hệ lụy lớn, có thể tiếp tục kéo dài (có thể dẫn đến các nguy cơ khủng hoảng về tài chính, tiền tệ, nợ công... trong thời gian tới)

Tình hình trong nước

- ❖ Nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, nợ công cao, nợ xấu tăng, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn
 - *Lạm phát tăng mạnh khi bước vào thực hiện chiến lược (năm 2011, CPI ở mức 2 con số: 18,1%)*
- ❖ Độ mở lớn, năng lực cạnh tranh và sức chống chịu hạn chế
- ❖ Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến phức tạp hơn
- ❖ Dịch bệnh, đặc biệt đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống

Kết quả đạt được: đánh giá chung

❖ *Phương châm hành động của chúng ta trong bối cảnh khó khăn*

- Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đoàn kết, chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc
- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước
- Tập trung thực hiện quyết liệt đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; ứng phó linh hoạt, hiệu quả với những biến động tình hình quốc tế, trong nước

❖ *Đánh giá chung về kết quả đạt được*

- Đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực
- Thành quả đạt được trong thực hiện chiến lược 10 năm 2011-2020 và trong nhiệm kỳ 2016-2021 đã góp phần quan trọng tô đậm thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới, làm cho đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực

❖ *Tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức độ khá cao*

- Bình quân 2011-2015 đạt 5,9%/năm; 2016-2020 đạt 6%/năm; tính chung 10 năm 2011 - 2020 đạt 5,95%/năm → VN thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới
 - Giai đoạn 2016-2020: 4 năm đầu 2016-2019 đạt mức tăng trưởng cao 6,8%/năm, riêng năm 2020 mặc dù đại dịch Covid-19 ảnh hưởng rất nặng nề nhưng vẫn đạt 2,91%
- Quốc tế đánh giá: VN là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới; là điểm sáng trên toàn cầu trong việc thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi và phát triển KTXH, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân

❖ *Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, NSLĐ được nâng lên rõ rệt*

- Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP): tăng từ 33,6% giai đoạn 2011 - 2015 lên 45,7% giai đoạn 2016 - 2020, tính chung 10 năm 2011 - 2020 đạt 39,4% (mục tiêu Chiến lược là 35%)
- Tốc độ tăng NSLĐ bình quân 2011 - 2015 đạt 4,3%/năm; 2016 - 2020 tăng lên 5,9%/năm

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

- ❖ *Kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể*
 - ✓ *Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp (ổn định dưới 4%/năm trong nhiệm kỳ 2016-2020)*
 - ✓ *Xuất nhập khẩu tăng mạnh (tổng kim ngạch XNK tăng 3,6 lần, từ 157,1 tỉ USD năm 2010 lên 543,9 tỉ USD năm 2020; trong đó xuất khẩu khoảng 281,5 tỉ USD)*
 - ✓ *Cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt (chuyển từ thâm hụt 12,6 tỉ USD năm 2010 sang thặng dư liên tục và mức độ ngày càng tăng trong 5 năm 2016-2020)*
 - ✓ *Dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục (đạt gần 100 tỉ USD năm 2020)*
 - ✓ *Bội chi NSNN so với GDP giảm mạnh (từ 5,4% giai đoạn 2011 - 2015 xuống còn 3,5% giai đoạn 2016 – 2019; năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19 nhưng vẫn dưới 4%)*
 - ✓ *Tỉ lệ nợ công so với GDP giảm (chỉ còn 55,3% vào cuối năm 2020, trần là 65%)*

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

- ❖ *Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh, đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh và chất lượng, hiệu quả được cải thiện*
 - ✓ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đạt gần 15,7 triệu tỉ đồng (tương đương 673 tỉ USD), tăng bình quân 10,1%/năm
 - ✓ Vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước ở trong nước chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong tổng đầu tư xã hội, tăng từ 36,1% năm 2010 lên 44,9% năm 2020
 - ✓ Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh (thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao): tổng số vốn đăng ký giai đoạn 2011 - 2020 đạt 268,2 tỉ USD; vốn thực hiện đạt 152,3 tỉ USD, chiếm 22,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

- ❖ *Các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư công, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực*
 - ✓ Chuyển căn bản từ KH đầu tư công hằng năm sang KH đầu tư công trung hạn gắn với KH hằng năm
 - ✓ Quyết liệt cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu
 - ✓ Cơ cấu lại DNNN thực chất hơn
- ❖ *Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên*
 - ✓ Tỉ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP giảm từ 18,9% năm 2010 còn 15,2% năm 2020; các khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 81,1% lên 84,8%.
 - ✓ Cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực (*tỉ trọng ngành khai khoáng giảm từ 9,5% GDP xuống còn 5,5%; tỉ trọng hàng hoá xuất khẩu qua chế biến tăng từ 65% năm 2011 lên 85% năm 2020*).

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về thực hiện các đột phá chiến lược

- ❖ *Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN từng bước được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập*
 - ✓ Ban hành Hiến pháp năm 2013 và sửa đổi, hoàn thiện các luật, pháp lệnh và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
 - ✓ Vị trí xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu của Việt Nam tăng từ 88/183 năm 2010 lên 70/190 năm 2019
- ❖ *Phát triển nguồn nhân lực được đẩy mạnh, nhất là nhân lực chất lượng cao; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ đạt kết quả tích cực*
 - ✓ Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% năm 2010 lên 64,5% năm 2020; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% năm 2010 lên 24,1% vào năm 2020
 - ✓ Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng vượt bậc, năm 2020 xếp thứ 42/131 nước và vùng lãnh thổ, tăng 17 bậc so với năm 2016, dẫn đầu nhóm quốc gia, nền kinh tế cùng mức thu nhập
- ❖ *Tập trung các nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với các công trình hiện đại, nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn*
 - ✓ Đã hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng khoảng 1.200 km đường cao tốc, 6.000 km quốc lộ
 - ✓ Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 766 bệnh viện các tuyến, 114 phòng khám đa khoa khu vực, trên 2 nghìn trạm y tế xã

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, xây dựng nông thôn mới

- ❖ ***Phát triển vùng có bước chuyển biến, khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế***
 - ✓ Tăng cường liên kết giữa các vùng; nhiều công trình hạ tầng kết nối vùng được hoàn thành
 - ✓ Các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư và đóng góp cho tăng trưởng, xuất khẩu, thu NSNN...
- ❖ ***Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo được đẩy mạnh***
 - ✓ Tiềm năng, lợi thế của biển được phát huy; nhiều địa phương có biển phát triển năng động
- ❖ ***Hệ thống đô thị tăng nhanh về số lượng, mở rộng về quy mô, dần hình thành mạng lưới đô thị***
 - ✓ Tỷ lệ đô thị hoá tăng từ 30,5% năm 2010 lên 40% năm 2020 (một số khu vực có tốc độ đô thị hoá cao, đóng góp cho tăng trưởng lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Kiên Giang...)
- ❖ ***Xây dựng nông thôn mới hoàn thành trước thời hạn gần 2 năm so với mục tiêu đề ra***
 - ✓ Đến hết năm 2020, cả nước có 62% số xã và 173 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; giao thông nông thôn được đầu tư nâng cấp, mở rộng, tăng từ 278 nghìn km năm 2010 lên khoảng 580 nghìn km năm 2020

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về văn hóa, xã hội

- ❖ **Phát triển văn hoá, xây dựng con người Việt Nam đạt kết quả tích cực**
 - ✓ Đời sống văn hoá của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp được đề cao và phát huy
 - ✓ Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh: còn dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều).
 - ✓ Đời sống người dân được cải thiện, chú trọng tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019)
- ❖ **Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công và bảo đảm an sinh xã hội**
 - ✓ Cả nước có trên 9,2 triệu người có công
 - ✓ Các chính sách an sinh xã hội được chú trọng (Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 60,9% dân số năm 2010 lên 90,7% vào năm 2020)
- ❖ **Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân được quan tâm**
 - ✓ Việt Nam kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, được nhân dân cả nước và cộng đồng quốc tế đánh giá cao
- ❖ **Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam được cải thiện** (thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người cao của thế giới)

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về tài nguyên, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai

- ❖ Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu ngày càng được chú trọng hơn
- ❖ Các nguồn lực tài nguyên từng bước được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn, đặc biệt là đất đai, khoáng sản
- ❖ Công tác phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, ngăn ngừa suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường đạt kết quả tích cực
- ❖ Nhiều giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai được triển khai tích cực và đạt nhiều kết quả
 - ✓ Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt Nghị quyết 120 về phát triển bền vững ĐBSCL ứng phó với biến đổi khí hậu

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về quản lý nhà nước, cải cách hành chính

- ❖ *Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên*
 - ✓ Các cấp, các ngành đã chú trọng hơn việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...
 - ✓ Vai trò của Nhà nước và nội dung, phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế
- ❖ *Cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước đột phá; cải cách thủ tục hành chính đạt những kết quả tích cực*
 - ✓ Tích cực xây dựng Chính phủ, chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến
- ❖ *Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả*
 - ✓ Đã chỉ đạo xử lý nghiêm và công khai kết quả xử lý nhiều vụ việc tham nhũng lớn, dư luận quan tâm, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực (tiếp)

Về kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- ❖ *Việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh ngày càng chặt chẽ*
 - ✓ Góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc
 - ✓ Nhiều lĩnh vực công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng phát triển mạnh, hiệu quả
 - ❖ *Đối ngoại và hội nhập quốc tế đã được triển khai chủ động, tích cực, toàn diện, đồng bộ và đạt kết quả quan trọng trên nhiều mặt*
 - ✓ Đã ký kết và triển khai 15 Hiệp định FTA (nhất là CPTPP, EVFTA và gần đây là RCEP)
 - ✓ Công tác bảo hộ công dân và công tác về người Việt Nam ở nước ngoài được quan tâm, nhất là trong thời gian dịch bệnh Covid-19.
- *Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại thời gian qua có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần gìn giữ, xây dựng môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước*

Về hạn chế, yếu kém

- ❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra** (tốc độ tăng GDP bình quân đạt 5,95%/năm giai đoạn 2011 - 2020 so với mục tiêu Chiến lược là 7 - 8%/năm)
 - ❖ **Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm**
 - ✓ Chưa phát huy được đầy đủ, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế phát triển
 - ✓ Hoạt động SXKD trong nhiều lĩnh vực vẫn chủ yếu đang ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị; tỷ lệ tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu chưa cao
 - ❖ **Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong một số lĩnh vực còn chưa được phát huy**
 - ❖ Trình độ khoa học, công nghệ quốc gia nhìn chung còn khoảng cách so với nhóm đầu khu vực.
 - ❖ **Thực hiện các đột phá chiến lược còn chậm**
 - ✓ Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn bất cập; thực thi pháp luật có nơi chưa nghiêm
 - ✓ Nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển
 - ✓ Kết cấu hạ tầng chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chất lượng chưa cao
- Chưa tạo được nền tảng để đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Về hạn chế, yếu kém (tiếp)

- ❖ *Khoảng cách phát triển và chênh lệch thu nhập giữa các vùng chậm được thu hẹp*
- ❖ *Việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hoá, xã hội và con người còn hạn chế*
 - ✓ Kết quả giảm nghèo đa chiều chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao ở nhiều nơi
- ❖ *Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn bất cập*
 - ✓ Hiệu quả quản lý, sử dụng và huy động nguồn lực từ đất đai, tài nguyên chưa cao, chưa bền vững
 - ✓ Tình trạng ô nhiễm môi trường có nơi còn diễn biến phức tạp; tác động, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề nhưng nguồn lực còn hạn hẹp
- ❖ *Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa cao*
- ❖ *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại*
 - ✓ Nguồn lực cho quốc phòng, an ninh còn hạn hẹp; sự gắn kết với phát triển KTXH có mặt chưa chặt chẽ
 - ✓ Quan hệ đối ngoại có mặt còn hạn chế; chưa khai thác và phát huy hiệu quả các quan hệ lợi ích đan xen, ổn định với các đối tác quan trọng

Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu

- ❖ Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở một số nội dung còn chưa thực sự sâu sắc, thống nhất
- ❖ Tính thượng tôn pháp luật chưa cao, kỷ luật, kỷ cương có lúc, có nơi chưa nghiêm
 - ✓ Công tác đánh giá, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc thực thi công vụ có nơi còn buông lỏng
- ❖ Chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, năng lực của con người Việt Nam trong phát triển đất nước
- ❖ Phương thức lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong thực tiễn ở một số lĩnh vực, một số nơi chưa thực sự phù hợp, hiệu lực, hiệu quả chưa cao
 - ✓ Còn có biểu hiện cơ chế "xin - cho", "tư duy nhiệm kỳ", "lợi ích nhóm" ; năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức có mặt còn hạn chế
 - ✓ Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong nhiều trường hợp còn thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao

5 bài học kinh nghiệm đúc rút ra từ thực tiễn

1. Bảo đảm mối tương quan hợp lý, hài hoà giữa tăng trưởng và ổn định; kiên trì ổn định vĩ mô, khắc phục nguy cơ tụt hậu; giải quyết các mối quan hệ trọng tâm về kinh tế
2. Thực sự coi trọng phát triển văn hoá, xã hội và con người tương xứng với phát triển kinh tế; coi giáo dục đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chủ yếu; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, sự đồng lòng, chung sức của nhân dân, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển đất nước.
3. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi; thể hiện bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt; phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân.
4. Thực hiện tốt công tác dự báo, bảo đảm đánh giá và nhận định đúng, đầy đủ, kịp thời tình hình thế giới và khu vực, để có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt, phù hợp
5. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng môi trường hoà bình, ổn định và nền kinh tế tự chủ, có khả năng thích ứng và chống chịu cao

Định hình nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực, thế giới

❖ Quy mô GDP

- ✓ Năm 2020, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt khoảng 343 tỷ USD, đứng trong топ 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN
- ✓ Theo đánh giá của IMF, tính theo sức mua tương đương, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt trên 1 nghìn tỷ USD

❖ GDP bình quân đầu người

- ✓ GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD, đứng thứ 6 ASEAN
- ✓ Tính theo sức mua tương đương, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 10.000 USD

❖ Tăng trưởng GDP

- ✓ Theo WB, với mức tăng trưởng kinh tế bình quân 6,8%/năm giai đoạn 2016-2019, Việt Nam nằm trong топ 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới
- ✓ Việt Nam được coi là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới, với mức tăng trưởng dự báo của nhiều tổ chức quốc tế từ trên 6% đến khoảng 11% năm 2021

❖ Về độ mở của nền kinh tế

- ✓ Độ mở của nền kinh tế đạt khoảng 200%GDP, là một trong những nước có độ mở cao nhất thế giới
- ✓ Quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia; có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên 224 nước, vùng lãnh thổ
- ✓ Việt Nam đã ký 15 Hiệp định FTA, đang đàm phán 2 FTA và có 16 đối tác chiến lược

Định hình nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực, thế giới (tiếp)

❖ Về môi trường kinh doanh

- ✓ Lạm phát ổn định dưới 4%; môi trường kinh tế vĩ mô, chính trị, xã hội ổn định, thuận lợi, trong nhóm dẫn đầu khu vực, thế giới
- ✓ Việt Nam nổi lên trở thành điểm đến đầu tư hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á, nơi hấp dẫn các tập đoàn đa quốc gia
- ✓ Xếp thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019, tăng 15 bậc so với năm 2018
- ✓ Về an toàn, an ninh mạng toàn cầu, Việt Nam tăng từ thứ hạng 100 năm 2017 lên thứ hạng 50 năm 2019.
- ✓ Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 xếp thứ 67/141, tăng 10 bậc so với năm 2018
- ✓ Về Chính phủ điện tử, năm 2020 ở vị trí thứ 86/193 quốc gia thành viên LHQ, tăng 2 bậc so với năm 2018
- ✓ Giá trị thương hiệu quốc gia năm 2020 tăng 9 bậc, xếp hạng 33 thế giới, đạt 319 tỷ USD, tăng 29% so với năm 2019

❖ Về phát triển con người và phát triển bền vững

- ✓ Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2019 của Việt Nam là 0,704, lần đầu tiên vào nhóm các nước phát triển con người cao và xếp thứ 117/189 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong giai đoạn 1990-2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%)
- ✓ Theo Báo cáo phát triển bền vững 2020, Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á duy nhất đạt được năm mục tiêu hành động của LHQ (trong đó có các biện pháp giảm khí thải CO₂, thúc đẩy năng lượng tái tạo và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu)
- ✓ Về đánh giá chỉ số quyền lực châu Á năm 2020, xếp hạng Việt Nam tăng từ 13 lên 12/26 quốc gia và vùng lãnh thổ (Việt Nam cũng được đánh giá là quốc gia có sự tăng thứ hạng mạnh nhất với 1,3 điểm)

So sánh về GDP bình quân đầu người (USD)

Quốc gia	2011	2015	2020
Bru-nây	47.092	31.356	23.117
Cam-pu-chia	878	1.165	1.572
In-đô-nê-xi-a	3.689	3.368	4.038
Lào	1.412	2.131	2.567
Ma-lai-xi-a	10.398	9.663	10.192
Mi-an-ma	1.093	1.224	1.333
Phi-li-pin	2.473	3.039	3.373
Xin-ga-po	53.891	55.646	58.484
Thái Lan	5.492	5.840	7.295
Việt Nam	1.928	2.556	3.498
Trung Quốc	5.561	8.085	10.582
Ấn Độ	1.458	1.606	1.877
Nhật Bản	48.169	34.569	39.048
Hàn Quốc	25.095	28.732	30.644
<i>Thế giới</i>	<i>10.610</i>	<i>10.321</i>	<i>10.954</i>

Nguồn: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)

So sánh về quy mô GDP (Tỷ USD)

Quốc gia	2011	2015	2020
Bru-nây	18,5	12,9	10,6
Cam-pu-chia	12,8	18,1	26,3
In-đô-nê-xi-a	892,6	860,7	1.088,8
Lào	9,0	14,4	18,7
Ma-lai-xi-a	302,2	301,4	336,3
Mi-an-ma	54,1	62,7	70,9
Phi-li-pin	234,2	306,4	367,4
Xin-ga-po	279,4	308,0	337,5
Thái lan	370,8	401,3	509,2
Việt Nam	171,4	236,8	340,6
Trung Quốc	7.492,3	11.113,5	14.860,8
Ấn Độ	1.823,1	2.103,6	2.592,6
Nhật Bản	6.157,5	4.389,5	4.910,6
Hàn Quốc	1.253,2	1.465,8	1.586,8
Thế giới	73.413,7	74.829,4	83.845,0

Nguồn: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)

So sánh về tăng trưởng GDP (%/năm)

Quốc gia	2020	2011-2020	2016-2020
Bru-nây	0,1	0,2	0,6
Cam-pu-chia	-2,8	6,1	5,0
In-đô-nê-xi-a	-1,5	4,6	3,7
Lào	0,2	6,4	5,1
Ma-lai-xi-a	-6	3,9	2,6
Mi-an-ma	2	6,3	5,4
Phi-li-pin	-8,3	4,7	3,4
Xin-ga-po	-6	2,8	1,0
Thái lan	-7,1	2,1	1,3
Việt Nam	2,9	6,1	6,1
Trung Quốc	1,9	6,8	5,7
Ấn Độ	-10,3	4,8	2,8
Nhật Bản	-5,3	0,3	-0,4
Hàn Quốc	-1,9	2,4	1,8
Thế giới	-4,4	2,7	1,8

Nguồn: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)

So sánh về lạm phát (%)

Quốc gia	2011	2015	2020
Bru-nây	0,14	-0,49	-0,39
Cam-pu-chia	5,48	1,22	..
In-đô-nê-xi-a	5,36	6,36	3,03
Lào	7,57	1,28	3,32
Ma-lai-xi-a	3,17	2,10	0,66
Mi-an-ma	5,02	9,45	8,83
Phi-li-pin	4,72	0,67	2,48
Xin-ga-po	5,25	-0,52	0,57
Thái lan	3,81	-0,90	0,71
Việt Nam	18,68	0,63	2,80
Trung Quốc	5,55	1,44	2,90
Ấn Độ	8,86	5,87	7,66
Nhật Bản	-0,27	0,79	0,48
Hàn Quốc	4,03	0,71	0,38
Thế giới	4,80	1,39	2,12

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

So sánh về độ mở nền kinh tế (%)

Quốc gia	2011	2015	2019
Bru-nây	99,5	89,9	108,5
Cam-pu-chia	113,6	127,9	123,6
In-đô-nê-xi-a	50,2	41,9	37,3
Lào	91,7	85,8	0,0
Ma-lai-xi-a	154,9	131,4	123,0
Mi-an-ma	0,2	53,9	0,0
Phi-li-pin	60,8	59,1	68,6
Xin-ga-po	379,1	329,5	319,1
Thái lan	139,7	124,8	110,4
Việt Nam	162,9	178,8	210,4
Trung Quốc	50,7	39,5	35,7
Ấn Độ	55,6	41,9	39,6
Nhật Bản	30,4	35,6	0,0
Hàn Quốc	105,6	79,1	77,0

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

So sánh về thu hút FDI (Tỷ USD)

Quốc gia	2011	2015	2019
Bru-nây	0,7	0,2	0,3
Cam-pu-chia	1,5	1,8	3,7
In-đô-nê-xi-a	19,2	16,6	23,4
Lào	0,3	1,1	0,6
Ma-lai-xi-a	12,2	10,1	7,7
Mi-an-ma	1,1	2,8	2,8
Phi-li-pin	2,0	4,4	5,0
Xin-ga-po	39,9	59,7	92,1
Thái lan	1,4	5,6	4,1
Việt Nam	7,5	11,8	16,1
Trung Quốc	124,0	135,6	141,2
Ấn Độ	36,2	44,1	50,6
Nhật Bản		3,0	14,6
Hàn Quốc	9,8	4,1	10,6

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Đánh giá, nhận định của các tổ chức quốc tế uy tín về tình hình và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam

❖ Dự báo ngắn hạn

- Đánh giá chung về năm 2021, nhiều tổ chức quốc tế và chuyên gia cho rằng Việt Nam vẫn là “**ngôi sao sáng**”, được hưởng lợi từ sự phục hồi kinh tế thế giới, nhờ tác động tích cực của khoa học công nghệ dẫn dắt, dòng vốn FDI và nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được ký kết
- **Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)** dự báo kinh tế Việt Nam sẽ có bước phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021, dự báo tăng 6,5%
- **Ngân hàng Thế giới (WB)** dự báo triển vọng nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng 6,7% vào năm 2021
- Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế **S&P Global Ratings** dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt mức 11,2% vào năm 2021; ngày 18/3/2021, hãng xếp hạng tín nhiệm **Moody's** nâng triển vọng tín nhiệm quốc gia của VN lên “Tích cực”

❖ Dự báo dài hạn

- Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh của Vương quốc Anh (the UK's Centre for Economics and Business Research) dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021-2025, 6,6% trong 10 năm tiếp theo
- Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Nhật Bản cũng đưa ra nhận định tương tự, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 6% đến năm 2035 nhờ xuất khẩu tăng mạnh. Đến 2035, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam tương đương 11.000 USD; quy mô kinh tế đứng thứ 2 khu vực (sau Indonesia)

Phần thứ hai

NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 10 NĂM 2021-2030 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

Những nội dung trọng tâm của Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021-2025

- ❖ Về chủ đề Chiến lược
- ❖ Bối cảnh quốc tế và tình hình đất nước
- ❖ Quan điểm phát triển
- ❖ Mục tiêu tổng quát
- ❖ Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Về chủ đề Chiến lược

❖ Chủ đề Chiến lược:

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

❖ Trong đó, 3 thành tố trọng tâm trong Chủ đề Chiến lược:

- Động lực tinh thần và sự quyết tâm: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại
- Cách thức, phương tiện chủ yếu: Huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
- Mục tiêu phấn đấu: Phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao

Bối cảnh quốc tế

- ❖ Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp
 - Sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực, thế giới
 - Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động, ảnh hưởng có khả năng kéo dài
 - Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công và rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng
- ❖ Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu
- ❖ Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ, đặt ra nhiều thách thức rất lớn (*thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng...*)
- ❖ Tình hình khu vực diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định của khu vực

Tình hình đất nước

- ❖ *Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*
 - Thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều; quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên
 - Các cấp, các ngành có nhiều kinh nghiệm quý trong thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành
- ❖ *Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro*
 - Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp
 - Tăng trưởng GDP có xu hướng chững lại, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu
 - Thách thức về khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, đất đai và nguồn nước
 - Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nhanh, khốc liệt, khó lường
 - Nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia gặp nhiều khó khăn, thách thức
- ❖ *Đại dịch Covid-19 có thể sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực, kéo dài trong thời kỳ đầu của Chiến lược*

Yêu cầu đặt ra

- ❖ *Trong bối cảnh mới đầy khó khăn, thách thức, phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm*
 - *Đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*
 - *Thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng quy mô lớn, đẩy mạnh tiêu dùng nội địa, giải quyết việc làm*
 - *Phát huy mạnh mẽ vai trò của các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị trong nước, phát triển mạnh thị trường nội địa*
 - *Từng bước hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ và khả năng chống chịu hiệu quả trước các cú sốc từ bên ngoài*
 - *Tập trung khắc phục hiệu quả tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi KTXH; xây dựng các mô hình phát triển mới, tận dụng tốt các cơ hội và xu hướng chuyển dịch đầu tư khu vực, toàn cầu*
- ❖ *Với niềm tin và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của toàn dân tộc, Việt Nam cần nhANH chóng bứt phá, rút ngắn khoảng cách phát triển với khu vực và thế giới, nỗ lực phấn đấu hướng tới mục tiêu sớm trở thành nước thu nhập trung bình cao*

05 quan điểm phát triển

❖ Quan điểm 1: Phát triển nhanh và bền vững

- ✓ Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
- ✓ Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt cơ hội để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số
- ✓ Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hoà 03 trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số...

❖ Quan điểm 2: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- ✓ Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước
- ✓ Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai
- ✓ Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới...
- ✓ Coi trọng quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương; phát triển nhanh, hài hoà các khu vực kinh tế, loại hình doanh nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế

05 quan điểm phát triển (tiếp)

- ❖ Quan điểm 3: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
 - ✓ Phát huy tối đa nhân tố con người; lấy giá trị văn hoá, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững.
 - ✓ Phát huy tinh thần công hiến vì đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân
- ❖ Quan điểm 4: Xây dựng nền kinh tế tự chủ
 - ✓ Xây dựng nền kinh tế tự chủ dựa trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập
 - ✓ Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại
- ❖ Quan điểm 5: Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia
 - ✓ Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại
 - ✓ Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân

Mục tiêu tổng quát

❖ *Mục tiêu tổng quát*

- Đến năm 2025 (kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước), là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp
- Phấn đấu đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng), là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao
- Phấn đấu đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập Nước), trở thành nước phát triển, thu nhập cao

❖ *Căn cứ khoa học và thực tiễn xác định mục tiêu nêu trên?*

- ✓ Xuất phát từ thực tế khách quan và yêu cầu tất yếu đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển đất nước, thu hẹp khoảng cách phát triển, chống tụt hậu, vượt qua bẫy thu nhập trung bình
- ✓ Xuất phát từ tiềm lực, lợi thế và tiềm năng rất lớn của đất nước trên các lĩnh vực (địa kinh tế, địa chính trị, tài nguyên, nguồn nhân lực chất lượng cao, tình hình chính trị - xã hội ổn định...)
- ✓ Yếu tố chủ quan: tinh thần, ý chí quyết tâm, khát vọng vươn lên, sự đoàn kết, đồng thuận của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

→ Thực hiện mục tiêu này cũng chính là hiện thực hóa ước nguyện của Bác Hồ kính yêu: đưa dân tộc ta “sánh vai với các cường quốc, năm châu”, mang lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho nhân dân

Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Mục tiêu 5 năm 2021-2025	Mục tiêu 10 năm 2021-2030
A	Về kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân	%/năm	6,5-7	7
2	GDP bình quân đầu người	USD	4.700-5.000	7.500
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo	% GDP	Trên 25	30
4	Tỷ trọng kinh tế số	% GDP	20	30
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	45	Trên 50
6	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	45	50
7	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%/năm	Trên 6,5	Trên 6,5

Các chỉ tiêu chủ yếu (tiếp)

TT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Mục tiêu 5 năm 2021-2025	Mục tiêu 10 năm 2021-2030
B	Về xã hội và môi trường			
1	Tuổi thọ bình quân	Tuổi	74,5	75
	<i>Trong đó: Thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu</i>	<i>năm</i>	<i>67</i>	<i>68</i>
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	28-30	35-40
3	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25	Dưới 20
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42	42

Các đợt phá chiến lược

- ❖ **Việc xác định các đợt phá chiến lược là đặc biệt quan trọng**
 - ✓ Đây là những yếu tố nền tảng mang tính đợt phá cho phát triển đất nước
 - ✓ Yêu cầu đặt ra là vừa bảo đảm tính kế thừa, vừa bổ sung những vấn đề quan trọng nhất để đáp ứng yêu cầu tạo đợt phá thúc đẩy phát triển KTXH trong bối cảnh mới
 - ✓ Các Tiểu ban của Đại hội XIII đã nghiên cứu kỹ, chất lọc, tiếp thu ý kiến của các cấp, các ngành, đội ngũ nhà khoa học, quản lý và các tầng lớp nhân dân
- ❖ **Tinh thần thống nhất cao về các đợt phá chiến lược giữa các văn kiện**
 - ✓ Tiếp tục thực hiện 3 đợt phá chiến lược (về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng) do đây là những vấn đề quan trọng, cốt yếu nhất và vẫn mang tính thời sự sâu sắc, cần tập trung thực hiện
 - ✓ Đồng thời, bổ sung những nội hàm mới cho phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới

Những nội hàm mới trong các đột phá chiến lược

❖ Đột phá thứ nhất: tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- ✓ Nhấn mạnh nâng cao chất lượng thể chế, bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập (trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ)
- ✓ Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội
- ✓ Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất và phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành

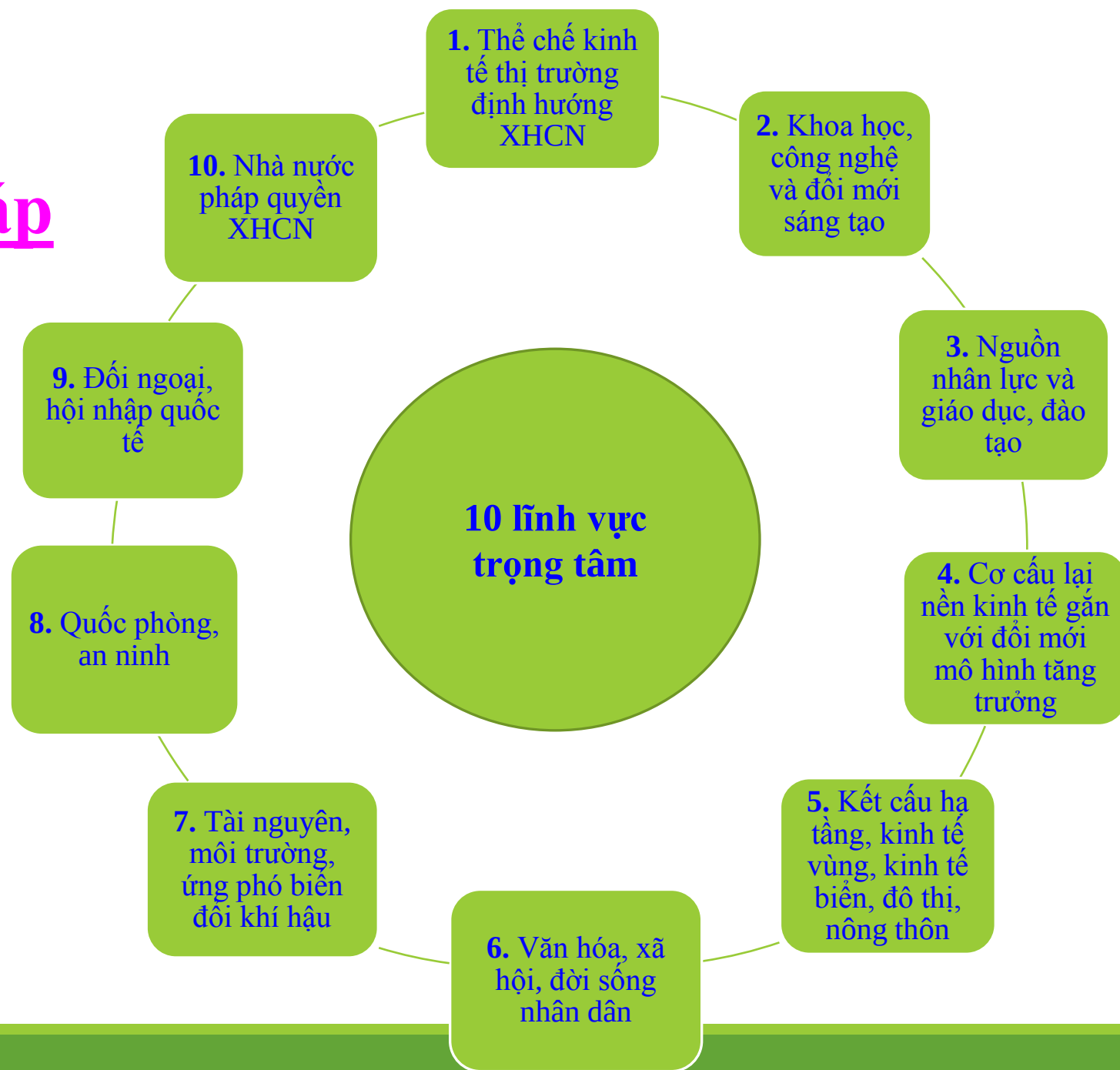
Những nội hàm mới trong các đột phá chiến lược (tiếp)

- ❖ Đột phá thứ hai: Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam
 - ✓ Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài
 - ✓ Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh (*có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội; lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số*)
 - ✓ Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam (*đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật*)

Những nội hàm mới trong các đột phá chiến lược (tiếp)

- ❖ **Đột phá thứ ba:** *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại*
 - ✓ Trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.
 - ✓ Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu



Về thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- ❖ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi, bảo đảm chấp hành pháp luật nghiêm minh
- ❖ Bảo đảm đầy đủ quyền tự do, an toàn trong hoạt động kinh doanh; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo nguyên tắc thị trường
- ❖ Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý, thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo...
- ❖ Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng và thực hiện hiệu quả các quy hoạch (*quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh*)
- ❖ Cải cách thủ tục hành chính quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ người dân, doanh nghiệp (*hành chính điện tử, Chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền...*)

Về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- ❖ Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi là động lực chính của tăng trưởng
 - Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số
- ❖ Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.
- ❖ Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.
- ❖ Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ
- ❖ Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ; phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt.
- ❖ Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN

Về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo

- ❖ Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực
 - Con người là yếu tố quyết định → giáo dục đào tạo là quốc sách
 - Đặc biệt chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế
- ❖ Chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức
- ❖ Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
 - Đặc biệt chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển KTXH
- ❖ Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo
 - Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong các cấp học, đào tạo
 - Đào tạo con người theo hướng vừa có trình độ chuyên môn cao, vừa có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng cho phát triển bền vững

- ❖ Chú trọng phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách (tài khoá, tiền tệ và các chính sách khác) để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế
- ❖ Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; đồng thời đẩy mạnh hợp tác công tư nhằm huy động nguồn lực xã hội vào phát triển kết cấu hạ tầng
- ❖ Nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh, tính minh bạch của các tổ chức tín dụng
 - *Tiếp tục thực hiện quyết liệt cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025*
- ❖ Cơ cấu lại tài chính - NSNN theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, hiệu quả, bền vững (đến năm 2025, nợ công không quá 60% GDP, bội chi NSNN bình quân 2021-2025 khoảng 3,7% GDP; đến năm 2030 bội chi NSNN khoảng 3% GDP)
- ❖ Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán để thực sự trở thành một kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế
- ❖ Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công, tài sản công

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (tiếp)

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- ❖ Tập trung xây dựng, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia, các vùng, ngành, lĩnh vực
- ❖ Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng
- ❖ Xây dựng và thực hiện các giải pháp chính sách khắc phục tác động của dịch bệnh Covid-19, nhanh chóng phục hồi nền kinh tế, tận dụng hiệu quả các cơ hội mới cho phát triển đất nước
- ❖ Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực một cách thực chất để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh
 - *Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử*
 - *Thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước*

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (tiếp)

Về cơ cấu lại DNNN, phát triển kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài

- ❖ Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước
 - *Đến năm 2025, hoàn thành việc sắp xếp lại khối DNNN; xử lý cơ bản những yếu kém, thất thoát của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước*
- ❖ Phát triển mạnh khuvực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế
 - *Phấn đấu ngày càng có nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân lớn mạnh, đến năm 2030 có những tập đoàn hàng đầu khu vực*
- ❖ Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng
 - *Chú trọng thu hút các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực tài chính, công nghệ cao, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả kinh tế trong nước*

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (tiếp)

Cơ cấu lại khu vực nông nghiệp

- ❖ Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái
- ❖ Bảo đảm an ninh lương thực; hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, ổn định.
- ❖ Tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thị trường, xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu.

Cơ cấu lại khu vực công nghiệp

- ❖ Phát triển công nghiệp kết hợp hài hoà cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chiều sâu
- ❖ Khuyến khích mạnh mẽ sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân trong nước
- ❖ Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, phát triển các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn

Cơ cấu lại khu vực dịch vụ

- ❖ Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ
- ❖ Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại; xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch quốc gia

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (tiếp)

Thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế số

- ❖ Ưu tiên chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực như y tế, giáo dục đào tạo, tài chính ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất công nghiệp
- ❖ Phát triển một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ số, làm nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số.
- ❖ Phân đầu đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới

Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng

- ❖ Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số
- ❖ Đến năm 2025, hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 1 của Cảng hàng không quốc tế Long Thành; hoàn thành trên 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau

Phát triển kinh tế vùng

- ❖ Xây dựng quy hoạch vùng, tổ chức không gian lãnh thổ hợp lý, phát huy lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương
- ❖ Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng và điều phối phát triển vùng
- ❖ Lựa chọn một số địa điểm, đô thị, vùng có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, cạnh tranh quốc tế

Phát triển kinh tế biển

- ❖ Phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh
- ❖ Tập trung xây dựng đồng bộ và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh

Phát triển kết đô thị và xây dựng nông thôn mới

Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị

- ❖ Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hoà, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương
- ❖ Xây dựng các đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, văn minh, có bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển
- ❖ Phát triển đô thị có tầm nhìn dài hạn; hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung (*phát triển mạnh các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh*)

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

- ❖ Tiếp tục thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững.
- ❖ Triển khai thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Về phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

- ❖ Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực phát triển KTXH và hội nhập
- ❖ Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát vọng vươn lên
- ❖ Đẩy nhanh xây dựng xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, mở các khoá học đại trà trực tuyến, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng số hóa
- ❖ Phân đầu sớm hoàn thành các mục tiêu theo Chương trình nghị sự 2030 vì phát triển bền vững
 - *Tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản*
- ❖ Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn
 - *Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*

Về phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân (tiếp)

- ❖ Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế
 - *Thực hiện bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản*
- ❖ Tiếp tục thực hiện tốt chính sách người có công, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo
 - *Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công (bằng và tốt hơn mức bình quân chung)*
 - *Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng hiện đại, hội nhập quốc tế; kết hợp hài hoà nguyên tắc đóng góp và thụ hưởng; công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững*
- ❖ Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương
 - *Tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương*
- ❖ Tạo môi trường và điều kiện để phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập, có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.
- ❖ Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội; kiểm soát ma túy, mại dâm
- ❖ Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai

- ❖ Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc thị trường
- ❖ Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường
 - Phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
- ❖ Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước
 - Tăng cường tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển KTXH và đời sống nhân dân
- ❖ Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu
 - Khuyến khích phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp và các mô hình kinh tế tuần hoàn
 - Đa dạng hóa nguồn lực, tập trung đầu tư các dự án cấp thiết, chuẩn bị điều kiện cần thiết giảm thiểu những rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra (nhất là khô hạn tại Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, xâm nhập mặn, sạt lở tại ĐBSCL, lũ ống, lũ quét, sạt lở núi ở khu vực trung du, miền núi phía Bắc, miền Trung)

Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh:

- *Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*
- *Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại*
- *Bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; xử lý phù hợp vấn đề an ninh phi truyền thống, tạo vành đai an ninh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa*

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

- *Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hoà lợi ích*
- *Nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư;*
- *Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ*

→ Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại phải góp phần quan trọng nhất và đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng, gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước

Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- ❖ Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường
 - Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở các quy luật thị trường
 - Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hiệu quả hệ thống pháp luật, thể chế và các cơ chế, chính sách
 - Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập
- ❖ Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh
 - Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, uỷ quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực
 - Lưu ý bảo đảm các yêu cầu về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả

Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí (tiếp)

- ❖ Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân
 - *Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp; phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án*
 - *Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng*
- ❖ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh
 - *Có cơ chế khuyến khích, khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, tạo động lực và áp lực để mọi cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao*
 - *Có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*
- ❖ Thực hiện kiên trì, kiên quyết đấu tranh có hiệu quả phòng chống tham nhũng lãng phí
 - *Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử; kiên quyết xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm*
 - *Phát huy đúng vai trò giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng*

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Những vấn đề cần lưu ý trong tổ chức thực hiện

❖ Xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể

- ✓ Chính phủ ban hành *Chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ*
- ✓ Từng cấp, từng ngành, từng địa phương xây dựng *chương trình, kế hoạch hành động cụ thể* theo quy định trong phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ được giao

❖ Tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả

- ✓ Chú trọng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, nút thắt với phương châm xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi người dân, doanh nghiệp

Những vấn đề cần lưu ý trong tổ chức thực hiện (tiếp)

- ❖ Có kế hoạch cụ thể về kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện
 - ✓ Chú trọng xây dựng hệ thống thông tin, báo cáo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và kịp thời
 - ✓ Quy định rõ trách nhiệm cụ thể đối với cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu
- ❖ Khi xuất hiện những vấn đề mới, báo cáo cấp có thẩm quyền trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định việc thực hiện thí điểm
 - ✓ Đặc biệt lưu ý tính chủ động, linh hoạt thích ứng với diễn biến tình hình quốc tế, trong nước; vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII